

Số: 686/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 15 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị
xã Cẩm An, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025,
định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và kinh phí lập Chương trình phát triển đô thị xã Cẩm Ân giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung đô thị mới Cẩm Ân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đến năm 2045;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 32/TTr-SXD ngày 27/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị xã Cẩm Ân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, với nội dung như sau:

1. Tên chương trình: Chương trình phát triển đô thị xã Cẩm Ân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu và thời hạn chương trình

2.1. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu

- Phạm vi lập Chương trình phát triển đô thị xã Cẩm Ân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Cẩm Ân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái với tổng diện tích tự nhiên 24,62 km²; dân số hiện trạng là 3.561 người.

- Ranh giới: Phía Bắc giáp xã Bảo Ái, huyện Yên Bình; phía Nam giáp xã Tân Hương, huyện Yên Bình và xã Hòa Công huyện Trấn Yên; phía Đông giáp xã Mông Sơn huyện Yên Bình; phía Tây giáp xã Tân Đồng huyện Trấn Yên.

2.2. Thời hạn: Giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

3. Quan điểm, mục tiêu phát triển đô thị

3.1. Quan điểm

- Chương trình phát triển đô thị xã Cẩm Ân phải phù hợp và cụ thể hóa định hướng kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030; Quy hoạch chung đô thị mới Cẩm Ân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đến năm 2045; Định hướng phát triển kinh tế - xã hội chung của huyện Yên Bình giai đoạn 2021-2025. Từng bước xây dựng hạ tầng đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn huyện, hướng đến mục tiêu trở thành đô thị loại V đến năm 2025 và hoàn thiện chất lượng đô thị những năm tiếp theo.

- Việc xây dựng Chương trình phát triển đô thị xã Cẩm Ân phải khai thác tốt tiềm năng, lợi thế có sẵn và liên kết phát triển với các đô thị, địa phương trong và ngoài huyện; đồng thời bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, quán triệt quan điểm phát triển đô thị trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; cụ thể hóa được các yêu cầu nhiệm vụ về phát triển đô thị của tỉnh và huyện.

3.2. Mục tiêu phát triển đô thị

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo quy hoạch, kế hoạch và phát huy những lợi thế sẵn có, phù hợp với Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đã phê duyệt. Khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư.

- Đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững và giữ gìn những giá trị tinh hoa, bản sắc văn hóa của xã Cẩm Ân.

- Định hướng xây dựng xã Cẩm Ân thành đô thị loại V trong giai đoạn 2021-2025; làm cơ sở huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng, phát triển đô thị

4. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị

4.1. Về giai đoạn phát triển đô thị

- Giai đoạn năm 2021-2025: Thực hiện hoàn thành 55/61 tiêu chuẩn, bằng 90% tiêu chuẩn đô thị loại V.

- Giai đoạn năm 2026-2030: Thực hiện hoàn thành 59/61 tiêu chuẩn, bằng 97% tiêu chuẩn đô thị loại V.

4.2. Về chất lượng đô thị

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Yên Bái phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030; Quyết định phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Cẩm Ân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đến năm 2045; các quy hoạch chuyên ngành có liên quan và thực trạng phát triển đô thị. Các chỉ tiêu phát triển đô thị xã Cẩm Ân theo từng giai đoạn như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2030
A	Các chỉ tiêu phát triển đô thị			
1	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	3,00	0,50
2	Diện tích sàn nhà ở bình quân	m ² /người	24,0	26,5
3	Tỷ lệ nhà kiên cố	%	93,0	100,0
4	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	%	24,5	25,0
5	Mật độ đường chính	km/km ²	8,50	12,50
6	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	1,50	2,00
7	Tỷ lệ hộ dân cư được cấp nước	%	90,0	100,0
8	Mật độ hệ thống thoát nước chính	km/km ²	2,00	2,50
9	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	90,0	100,0

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2030
10	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được thu gom	%	90,0	95,0
11	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	65,0	90,0
B	Các tiêu chuẩn của đô thị loại V thấp hơn mức tối thiểu			
1	Mật độ dân số toàn đô thị	người/km ²	219	313
2	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	l/ng.ngđ	40,0	80,0
3	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	0,0	30,0
4	Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thị bình quân đầu người	m ² /người	1,50	2,10
5	Thực hiện tốt Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị		55	100
6	Công trình xanh	Công trình	0	0
7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Khu	Chưa có	1

5. Định hướng và lộ trình thực hiện các khu vực phát triển đô thị

5.1. Định hướng các khu vực phát triển đô thị

Theo Quy hoạch chung đô thị mới Cẩm Ân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đến năm 2045. Khu vực phát triển đô thị Cẩm Ân được phân thành 03 phân vùng phát triển:

- Phân khu 1 (Khu đô thị trung tâm): Là trung tâm đô thị phát triển ven các trục giao thông động lực. Bao gồm hệ thống trung tâm hành chính, chính trị, các công trình hạ tầng xã hội đô thị cấp đô thị như: Trung tâm y tế, giáo dục, an ninh, quân sự, trung tâm văn hóa, công viên đô thị,...

- Phân khu 2 (Đô thị du lịch): Là khu vực đô thị phát triển mạnh du lịch, dịch vụ dựa trên các điều kiện tự nhiên, địa hình sẵn có. Xây dựng các sản phẩm du lịch chủ đạo, đặc trưng như Du lịch sinh thái hồ Thác Bà, du lịch cộng đồng khám phá các dân tộc; du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tham quan, tâm linh, tín ngưỡng,...Bố trí quỹ đất định hướng xây dựng nhóm nhà ở và dịch vụ với mật độ vừa. Đồng thời, ưu tiên các quỹ đất nông nghiệp sinh thái chất lượng cao vừa phục vụ các hoạt động du lịch vừa phục vụ đời sống của nhân dân.

- Phân khu 3 (Phát triển nông nghiệp công nghệ cao): Là khu vực phát triển nông, lâm nghiệp phát triển các loại cây cho năng suất cao như quế, chè... Đây là vùng hạn chế xây dựng của đô thị.

5.2. Lộ trình triển khai xây dựng các khu vực phát triển đô thị

5.2.1. Giai đoạn đến năm 2025

a) Không gian đô thị

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hạ tầng khu vực trung tâm xã Cẩm Ân, tập trung nâng cấp chất lượng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, kết nối các thôn Đoàn Kết, Tân Lương, Ngòi Cát; cải tạo các khu dân cư hiện hữu; đầu tư xây dựng phát triển các khu dân cư mới dọc tuyến đường Quốc lộ 70 và đường tỉnh 169. Cải tạo và nâng cấp trụ sở Ủy ban nhân dân xã; đầu tư hạ tầng, xây dựng mới mở rộng khu dân cư trung tâm xã đến năm 2025 cơ bản đạt tiêu chí chất lượng hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại V.

- Nâng cấp, mở rộng hoặc di dời các khu chức năng hiện có, bổ sung các công trình mới gắn kết và hoàn thiện các khu chức năng phục vụ cho đô thị. Hoàn thiện các kết nối giao thông, phát triển hệ thống hạ tầng dọc tuyến Quốc lộ 70 và tuyến đường tỉnh 169 qua khu vực trung tâm hiện hữu như: Hệ thống thương mại, dịch vụ tạo điểm nhấn đô thị.

b) Khu chức năng, trung tâm chuyên ngành

Cơ quan trụ sở: Chuẩn bị quỹ đất, xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã; trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã. Nâng cấp cải tạo trung tâm hành chính xã.

- Giáo dục: Hệ thống trường học trên địa bàn xã Cẩm Ân gồm: Trường trung học phổ thông Cẩm Ân, trường tiểu học và THCS xã Cẩm Ân; trường mầm non xã Cẩm Ân (xây mới khối phòng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em, phòng giáo dục thể chất - nghệ thuật và các hạng mục phụ trợ); trường TH&THCS Cẩm Ân (xây mới nhà lớp học bộ môn. Xây mới nhà hành chính, quản trị và các hạng mục phụ trợ).

- Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao: Xây dựng mới sân thể thao xã Cẩm Ân. Đầu tư cải tạo, xây dựng nhà văn hoá, sân thể thao các thôn nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của người dân.

- Thương mại, dịch vụ: Nâng cấp, cải tạo chợ xã Cẩm Ân và các công trình thương mại, dịch vụ dọc tuyến đường Quốc lộ 70 và tỉnh lộ 169.

c) Hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông: Cải tạo mở rộng đường tỉnh 169 (đoạn qua trung tâm xã); nâng cấp mặt đường Quốc lộ 70; xây dựng mới cầu Tân Lập, cầu Tân Yên và cầu Tân Phong; cải tạo mở rộng các tuyến đường liên thôn, đảm bảo mặt cắt lòng đường tối thiểu $\geq 7,0\text{m}$.

- Cấp nước: Xây dựng mới công trình cấp nước với chiều dài đường ống chính khoảng 3000m và các hạng mục phụ trợ khác; đầu tư trạm cấp nước sinh hoạt tập trung xã Cẩm Ân ($320 \text{ m}^3/\text{ngđ}$) phục vụ các thôn Đoàn Kết, Tân Lương, Ngòi Cát.

- Cấp điện: Xây dựng mới 01 trạm biến áp; nâng cấp hệ thống chiếu sáng đường chính qua khu trung tâm xã; xã hội hóa tuyến chiếu sáng liên thôn và tại các thôn trên địa bàn xã Cẩm Ân.

- Thoát nước: Xây dựng hệ thống thoát nước; thu gom nước thải sinh hoạt khu trung tâm xã Cẩm Ân dọc tuyến tỉnh lộ 169 nhằm hạn chế ngập cục bộ.

- Thu gom, xử lý chất thải rắn: Mở rộng phạm vi thu gom CTR sinh hoạt trên địa bàn xã Cẩm Ân đáp ứng tỷ lệ thu gom chất thải rắn đạt 90%; Chất thải rắn phát sinh từ khu ở, các công trình khác được phân loại tại nguồn rồi thu gom, vận chuyển đến trạm trung chuyển. Tại trạm trung chuyển, rác thải sẽ được xử lý sơ bộ bằng cách nén, phân từng loại rác có thể tái chế, rác có thể đốt và rác không đốt được rồi được vận chuyển về nhà máy xử lý chất thải rắn tại xã Văn Phú, thành phố Yên Bái.

- Cây xanh công viên: Đẩy mạnh đầu tư các dự án xây dựng vườn hoa cây xanh khu trung tâm xã và dọc các tuyến đường chính hiện hữu.

5.2.2. Giai đoạn 2026-2030

Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện các dự án hạ tầng khung tạo động lực phát triển xã Cẩm Ân; Tiếp tục cải tạo chỉnh trang khu trung tâm xã Cẩm Ân và phát triển lan tỏa sang khu vực các khu dân cư mới dọc tuyến đường tỉnh 169 từ Quốc lộ 70 đến thôn Tân Phong, đường Cẩm Ân - Tân Đồng; xây dựng hạ tầng các thôn Tân Tiến (xã Cẩm Ân).

a) Không gian đô thị

- Cải tạo chỉnh trang, tăng mật độ xây dựng, tạo dựng được không gian sống hiện đại tại các thôn Ngòi Cát, Tân Bình, Tân Lương và thôn Đoàn Kết.

- Khu trung tâm đô thị: Cải tạo, mở rộng các tuyến đường chính liên thôn (Quốc lộ 70 - Tân Phong - Khe Mạ); các tuyến đường chính kết nối khu vực trung tâm đô thị xã Cẩm Ân đến các thôn, xã phụ cận.

- Tổ chức không gian đô thị xã Cẩm Ân gắn với việc phát triển các công trình thương mại, dịch vụ tạo điểm nhấn. Phát triển mở rộng không gian, kết nối tuyến đường Cẩm Ân - Tân Đồng (huyện Trấn Yên) và các trục chính liên thôn.

- Không gian văn hóa, công viên, thể dục thể thao: Tiếp tục xây dựng bổ sung vườn hoa cây xanh tại khu vực nhà văn hóa, sân thể thao các thôn.

b) Khu chức năng, trung tâm chuyên ngành

- Giáo dục: Tiếp tục nâng cấp, cải tạo các khu chức năng, phòng học trường mầm non Cẩm Ân; trường TH&THCS Cẩm Ân; trường THPT Cẩm Ân.

- Văn hóa, thể dục, thể thao: Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao đô thị tại thôn Đoàn Kết; Cải tạo Nhà văn hóa, khu thể thao tại các thôn; Xây dựng vườn hoa, công viên tại các thôn.

- Y tế: Tiếp tục cải tạo, nâng cấp Phòng khám đa khoa khu vực Cẩm Ân, tăng số giường bệnh.

- Thương mại, dịch vụ: Tiếp tục nâng cấp quy mô trung tâm thương mại trên địa bàn; xây dựng mới các trung tâm thương mại, dịch vụ, cửa hàng tiện ích khu trung tâm xã trên tuyến đường tỉnh 169 và dọc tuyến Quốc lộ 70.

c) Hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông: Tiếp tục cải tạo, mở rộng các tuyến đường chính xã Cẩm Ân; Quốc lộ 70, Tỉnh lộ 169 qua khu vực trung tâm xã; đường Cẩm Ân (huyện Yên Bình) - Tân Đồng (huyện Trấn Yên).

- Cấp nước: Tiếp tục mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước DN100-DN400 qua các thôn Đoàn Kết, Tân Lương, Ngòi Cát và Tân Tiến. Xây dựng nhà máy xử lý và cung cấp nước sạch tại thôn Tân Tiến, công suất 1.100m³/ngđ.

- Cấp điện: Đầu tư xây dựng mới các trạm biến áp 180kVA-35/0,4kV; Nâng cấp hệ thống chiếu sáng đường chính qua khu vực trung tâm xã, đường ngõ hẻm xã Cẩm Ân.

- Thoát nước: Tiếp tục mở rộng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt từ khu trung tâm xã qua các thôn: Đoàn Kết, Tân Lương, Ngòi Cát và Tân Tiến (Cống thoát nước D400-D600). Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 600m³/ngđ.

- Thu gom, xử lý chất thải rắn: Mở rộng hệ thống thu gom CTR sinh hoạt qua các thôn Đoàn Kết, Tân Lương, Ngòi Cát và Tân Tiến; chất thải rắn đô thị được vận chuyển về khu xử lý rác tại xã Văn Phú, thành phố Yên Bái để xử lý.

6. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2021-2025; giai đoạn 2026-2030 và nhu cầu vốn đầu tư dự kiến

6.1. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn

(Có phụ lục danh mục chi tiết kèm theo).

6.2. Tổng nhu cầu vốn đầu tư dự kiến

Trên cơ sở danh mục các dự án ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn. Tổng mức đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng khung, công trình đầu mối ưu tiên trên địa bàn xã Cẩm Ân dự kiến là 379,1 tỷ đồng, trong đó:

- Phân theo nguồn vốn: Ngân sách tỉnh 85,51 tỷ đồng; ngân sách huyện 202,52 tỷ đồng; các nguồn vốn hợp pháp khác 92 tỷ đồng.

- Phân theo giai đoạn:

+ Giai đoạn đến 2025: Tổng nhu cầu vốn đầu tư dự kiến là 117,64 tỷ đồng, (trong đó: Ngân sách tỉnh 44,5 tỷ đồng; ngân sách huyện 53,1 tỷ đồng; các nguồn vốn hợp pháp khác: 20,05 tỷ đồng).

+ Giai đoạn 2026-2030: Tổng nhu cầu vốn đầu tư dự kiến là 216,5 tỷ đồng (trong đó: Ngân sách tỉnh: 41,02 tỷ đồng; ngân sách huyện: 149,5 tỷ đồng; các nguồn vốn hợp pháp khác: 71,1 tỷ đồng).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình, các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án theo nội dung Chương trình.

- Phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình sau khi được phê duyệt, đồng thời theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện Chương trình.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các quy hoạch, danh mục dự án cần thực hiện đầu tư, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền để triển khai thực hiện Chương trình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Trên cơ sở Chương trình phát triển đô thị xã Cẩm Ân được phê duyệt, đề xuất kế hoạch đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng hàng năm, bố trí nguồn vốn trong khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị với các bộ, ngành Trung ương, các cơ quan liên quan huy động và tổng hợp nguồn lực thực hiện mục tiêu Chương trình; tham mưu huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách.

- Thẩm định, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền để triển khai thực hiện.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình trong việc bố trí vốn hàng năm cho Chương trình phát triển đô thị.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất và Chương trình phát triển đô thị xã Cẩm Ân được duyệt, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình rà soát, đối chiếu các số liệu kiểm kê đất đai, kế hoạch sử dụng đất theo lộ trình phát triển đô thị cho từng giai đoạn.

5. Các sở, ban, ngành liên quan

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách và chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách có liên quan đến quản lý phát triển đô thị.

Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực của từng sở, ban, ngành quản lý trong phạm vi của Chương trình; đồng thời tham gia huy động nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đô thị xã Cẩm Nhân.

6. Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị xã Cẩm Ân sau khi được phê duyệt.

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện Chương trình, tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; chủ động rà soát và đề xuất các biện pháp điều chỉnh, bổ sung để bảo đảm tính hiệu quả của các dự án đầu tư.

- Rà soát năng lực cán bộ, sắp xếp, bố trí cán bộ tham gia thực hiện Chương trình theo chức năng nhiệm vụ để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển đô thị.

- Ban hành, chỉ đạo, tuyên truyền vận động toàn hệ thống chính trị, nhân dân trong xã Cẩm Ân tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị; đẩy mạnh công tác xây dựng và công nhận các tuyến phố văn minh đô thị.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã theo chức năng nhiệm vụ được phân cấp, căn cứ danh mục các dự án đầu tư của Chương trình, chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư theo từng giai đoạn và kế hoạch hàng năm để triển khai thực hiện Chương trình.


- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong khu vực phát triển đô thị; nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi, cơ chế áp dụng đối với hoạt động đầu tư xây dựng trong khu vực phát triển đô thị.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về khu vực phát triển đô thị; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ theo quy định hoặc theo yêu cầu về tình hình thực hiện các dự án đầu tư và kế hoạch thực hiện các dự án phát triển đô thị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Phó CVP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, XD. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Huy Tuấn

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CẨM AN, HUYỆN YÊN BÌNH
GIẢI ĐOẠN 2021-2025 VÀ GIẢI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số **686** /QĐ-UBND ngày **15**/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (tr.đ)	Đến năm 2025			Giải đoạn 2026-2030		
			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn hợp pháp khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn hợp pháp khác
	TỔNG CỘNG	379.130	44.494	53.100	20.050	41.020	149.419	71.048
I	QUY HOẠCH, ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH PTĐT	970	485	485	0	0	0	0
1	Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc đô thị	490	245	245				
2	Lập đề án công nhận xã Cẩm An đạt tiêu chí đô thị loại V	480	240	240				
II	HẠ TẦNG XÃ HỘI	73.300	7.670	23.530	0	0	40.100	2.000
II.1	Nhà ở và khu đô thị	30.000	-	12.000	-	-	18.000	-
1	Đầu tư hạ tầng; xây dựng mới mở rộng KDC trung tâm xã	30.000		12.000			18.000	
II.2	Trụ sở cơ quan	5.000	-	5.000	-	-	-	-
1	Cải tạo và nâng cấp Trụ sở UBND xã	5.000		5.000				
II.3	Công trình Giáo dục	16.800	7.670	4.130	0	0	5.000	0
1	Trường THPT (Cấp 3) Cẩm An	5.000					5.000	
2	Nâng cấp, cải tạo Trường mầm non xã Cẩm An	5.200	3.380	1.820				
3	Nâng cấp, cải tạo Trường TH&THCS xã Cẩm An (khu tiểu học)	6.600	4.290	2.310				
II.4	Công trình Văn hóa, thể dục thể thao	14.500	0	2.400	0	0	12.100	0
1	Xây dựng sân vận động xã Cẩm An	3.500					3.500	
2	Cải tạo Nhà văn hóa, khu thể thao tại các thôn; Xây dựng vườn hoa, công viên tại các thôn	8.000		2.400			5.600	
3	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao đô thị tại thôn Đoàn Kết (diện tích 4,0 ha)	3.000					3.000	
II.5	Công trình Y tế	5.000	-	-	-	-	5.000	-
1	Cải tạo và nâng cấp Phòng khám đa khoa khu vực Cẩm An	5.000					5.000	
II.6	Công trình tôn giáo, di tích	2.000	-	-	-	-	-	2.000
1	Mở rộng, cải tạo đình làng Tân Lập	1.200						1.200
2	Mở rộng, cải tạo họ giáo Cẩm An	800						800
III	HẠ TẦNG KINH TẾ	18.600	4.290	2.310	0	0	0	12.000
1	Xây dựng mới chợ xã Cẩm An	6.600	4.290	2.310				
2	Xây dựng mới trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn	12.000						12.000
IV	HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ	286.260	32.049	26.775	20.050	41.020	109.319	57.048
IV.1	Giao thông (sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các tuyến)	217.586	28.149	20.215	3.680	32.580	94.379	38.584
1	Tuyến đường Cẩm An – Mông Sơn	35.000				10.500	24.500	
2	Đường liên xã Cẩm An - Tân Đồng	22.629	22.629					
3	Đường liên xã Cẩm An - Bảo Ái	25.254					12.627	12.627
4	Đường liên xã Cẩm An - Tân Hương	22.474					11.237	11.237
5	Đường trung tâm xã	14.829		7.415			7.415	
6	Đường liên thôn, trục thôn nâng cấp, ngõ xóm nâng cấp, cải tạo	92.000	5.520	9.200	3.680	22.080	36.800	14.720
7	Cầu Tân Lập, xã Cẩm An (Thôn Tân Phong)	1.800		1.800				
8	Cầu Tân Yên, xã Cẩm An (Thôn Tân Tiến)	1.800		1.800				
9	Cầu Tân Phong, xã Cẩm An (Thôn Tân Phong)	1.800					1.800	
IV.2	Hệ thống cấp nước	9.000	0	0	6.300	0	0	2.700
1	Đầu tư hệ thống đường ống cấp nước Ống HDPE D160;	5.500			2.800			2.700
2	Trạm cấp nước sạch công suất 1.100m3/ngđ	3.500			3.500			
IV.3	Hệ thống thoát nước, quản lý CTR	24.300	3.000	3.500	500	7.900	8.400	1.000
1	Đầu tư hệ thống khu thu gom rác thải tập trung; trạm trung chuyển	2.500		500	500		500	1.000
2	Đầu tư hệ thống thu gom nước thải D300-D400 (6,5km)	15.000	3.000	3.000		4.500	4.500	
3	Trạm XLNT cục bộ xã Cẩm An (600 m3/ngđ)	6.800				3.400	3.400	
IV.4	Cấp điện, chiếu sáng ngõ hẻm, thông tin liên lạc	28.974	900	1.680	9.570	0	2.420	14.404
1	Trạm biến áp 35/0,4kV và 22/0,4kV cải tạo (2 trạm)	3.500			1.750			1.750

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (tr.đ)	Đến năm 2025			Giai đoạn 2026-2030		
			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn hợp pháp khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn hợp pháp khác
2	Trạm biến áp 22/0,4KV xây mới 320 KVA (1 trạm)	1.437						1.437
3	Trạm biến áp 22/0,4KV xây mới 400 KVA (2 trạm)	4.500			2.000			2.500
4	Cáp ngầm trung thế 22kV (2km)	5.600			3.500			2.100
5	Chỉnh trang đô thị hệ thống điện chiếu sáng trực đường nội thị Cẩm Ân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	7.000	900	1.500	600		2.000	2.000
6	Đầu tư hệ thống cấp điện các tuyến đường liên thôn, ngõ	3.000		180	720		420	1.680
7	Xây mới ống cáp thuê bao thông tin liên lạc (5 km)	2.500			1.000			1.500
8	Nâng cấp tổng đài Vệ tinh (1 trạm)	1.437						1.437
IV.5	Công viên, cây xanh	6.400	0	1.380	0	540	4.120	360
1	Chỉnh trang đô thị, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu vực trung tâm xã Cẩm Ân.	4.600		1.380			3.220	
2	Xây dựng 1 công viên, hồ điều hòa ngoài trời tại khu vực trung tâm xã (diện tích 1,4 ha)	1.800				540	900	360